

Appendix VI

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

(Issued with the Decision No. 21/QĐ-SGDVN on 21/12/2021 of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ

VẬN TÀI SAFI

-----☞☞☞☞-----

Số: 09/CBTT-2023

No.: 09/CBTT-2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

TP.HCM, ngày 21 tháng 03 năm 2023

HCMC, day 21 month 03 year 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TÀI SAFI**

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: SFI

- Địa chỉ/Address: 209 Nguyễn Văn Thủ - Phường Đa Kao – Quận 1 – Tp. Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 028.38238799 Fax: 028.38226283

- E-mail: nttuyen@safi.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

- Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Đại lý Vận tải Safi.

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/In case of correction or replacement of previously disclosed information, explanation is needed)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 21/03/2023 tại đường dẫn <http://safi.com.vn/vi-VN/annoucement.aspx> /This



information was published on the company's website on 21/03/2023 (date), as in the link <http://safi.com.vn/vi-VN/annoucement.aspx>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/ Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



NGUYỄN HOÀNG ANH





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Trụ sở chính: Số 209 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Website: www.safi.com.vn - Email: info.sgn@safi.com.vn - Tel: (84 - 028) 3823 8799

MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CHUNG	1
1.	Thông tin khái quát.....	1
	Quá trình hình thành và phát triển	1
2.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	2
3.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	4
4.	Định hướng phát triển.....	6
4.1	Mục tiêu chủ yếu của Công ty	6
4.2	Chiến lược tập trung.....	6
4.3	Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty	7
5.	Các rủi ro	7
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	7
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	7
2.	Tổ chức và nhân sự.....	9
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:.....	12
4.	Tình hình tài chính.....	14
5.	Cơ cấu cổ đông/ thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	15
6.	Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	16
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	17
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	17
2.	Tình hình tài chính Công ty đến thời điểm 31/12/2022	19
3.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	20
4.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	20
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	20
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	20
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty	22
3.	Các kế hoạch định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023:	22
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	23
1.	Hội đồng quản trị	23

2.	Ban Kiểm soát	23
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT - Ban TGD - BKS	24
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	26
1.	Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2022 của Công ty.....	26
2.	Ý kiến kiểm toán:	26
3.	Báo cáo tài chính được kiểm toán:	26

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 16/01/2023.
- Vốn điều lệ: 238.160.460.000 đồng
- Mã chứng khoán: SFI
- Địa chỉ: 209 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: (84 – 028) 3823 8799
- Số fax: (84 – 028) 3822 6283
- Website: www.safi.com.vn

Quá trình hình thành và phát triển

- 1992 Thành lập Công ty, chính thức đi vào hoạt động vào tháng 11 năm 1992;
- 1994 Hội viên liên kết chính thức của các Hiệp hội FIATA, IATA, VISABA;
- 1995 Mở rộng phạm vi hoạt động, thành lập chi nhánh Hà Nội;
- 1998 Chuyển đổi thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ 6,2 tỷ đồng;
Thành lập công ty liên doanh COSFI;
- 2000 Phát triển trên nhu cầu thị trường, thành lập chi nhánh Đà Nẵng
- 2001 Tiếp tục phát huy thế mạnh, thành lập xí nghiệp ở Hải Phòng chuyên về đại lý container, vận tải giao nhận;
- 2004 Đầu tư chiến lược, thành lập Liên doanh Yusen-Việt Nam;
Đưa vào khai thác kho bãi có diện tích 2500m² tại Quận 7, Tp.HCM;
- 2005 Thành viên hiệp hội HHGFAA của Mỹ về dịch vụ di chuyển và đại lý vận tải;
- 2006 Chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM;
- 2007 Tăng vốn điều lệ lên 11,39 tỷ đồng;
- 2008 Tăng vốn điều lệ lên 27,63 tỷ đồng;
- 2009 Sở hữu trực tiếp công ty con SITC Việt Nam;
Tăng vốn điều lệ 82,89 tỷ đồng;
- 2013 Vinh dự lọt vào top 10 doanh nghiệp nhỏ và vừa tốt nhất Châu Á do Forbes bình chọn;
Đưa Tòa nhà cao ốc SAFI tại địa chỉ 209 Nguyễn Văn Thủ, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh chính thức đi vào hoạt động;

- Thành lập công ty con Đại lý Vận tải COSFI với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ;
- 2014 Tăng vốn điều lệ lên 103 tỷ đồng;
Thành lập công ty con “Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng SAFI với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ”
- 2015 Tăng vốn điều lệ lên 108 tỷ đồng;
- 2016 Tăng vốn Công ty con “Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng SAFI với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ (từ 6 tỷ lên 60 tỷ đồng);
Tăng vốn điều lệ lên 113 tỷ đồng;
- 2017 Tăng vốn điều lệ lên 119 tỷ đồng;
Tăng vốn Công ty con “Công ty TNHH Đại lý Vận tải SAFI với tỷ lệ sở hữu 69% vốn điều lệ (từ 1 tỷ lên 2,27 tỷ đồng);
- 2018 Tăng vốn điều lệ lên 125 tỷ đồng;
- 2019 Tăng vốn điều lệ lên 143 tỷ đồng;
- 2020 Tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng;
- 2021 Tăng vốn điều lệ lên 157 tỷ đồng;
- 2022 Tăng vốn điều lệ lên 238 tỷ đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

SAFI khởi nghiệp kinh doanh từ năm 1992 chỉ với 22 nhân viên cốt cán, công ty thực hiện các dịch vụ vận chuyển đường biển và vận tải nội địa. Theo xu hướng phát triển toàn diện công ty, đa dạng hóa nhiều loại hình dịch vụ, phát triển thành nhiều ngành nghề kinh doanh cốt lõi như:

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

- Chi tiết: Đại lý vận tải; Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa; Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa; Đại lý tàu biển; Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển; Hoạt động của các đại lý vé máy bay (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không)

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

- Chi tiết: Kinh doanh khai thác kho bãi

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

- Chi tiết: Vận tải hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ hàng hóa quá cảnh); Vận tải đa phương thức quốc tế (trừ khí hóa lỏng để vận chuyển)

Dịch vụ đóng gói

- Chi tiết: Đóng gói bao bì hàng hóa (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)

Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu

- Chi tiết: Sản xuất bao bì, chèn lót (không hoạt động tại trụ sở)

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc
- Chuyển phát
Chi tiết: Chuyển phát nhanh hàng hóa
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
Chi tiết: Mua bán đồ gỗ nội thất, quần áo may sẵn, giày dép; mua bán gốm sứ, sơn mài và hàng thủ công mỹ nghệ; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Mua bán bao bì, chèn lót; Mua bán vỏ container
- Bán buôn thực phẩm tươi sống, hàng thủy hải sản (không hoạt động tại trụ sở)
Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: bán kim khí điện máy, điện tử, điện lạnh và phụ kiện
(Theo quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương, doanh nghiệp không được phân phối vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu bao gồm danh mục sản phẩm phần cứng và phần mềm, điện tử theo quy định của Bộ Thông tin truyền thông trừ trường hợp pháp luật cho phép.
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tét bện
Chi tiết: Sản xuất, gia công, lắp ráp đồ gỗ gia dụng (không sản xuất, gia công tại trụ sở)
- May trang phục (trừ trang phục từ lông da thú)
Chi tiết: Sản xuất gia công quần áo (không sản xuất gia công tại trụ sở)
- Sản xuất thiết bị điện khác
Chi tiết: Sản xuất, gia công máy móc, thiết bị, phụ kiện hàng điện tử, điện lạnh (không sản xuất gia công tại trụ sở)
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
Chi tiết: Mua bán động vật sống, bò sát (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ (không hoạt động tại trụ sở)
- Cho thuê xe có động cơ
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại
Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại và quặng kim loại
(trừ mua bán vàng miếng, kim loại quý nằm trong danh mục hàng hóa không được thực hiện quyền phân phối tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương)
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)
- Đại lý môi giới và đấu giá hàng hóa

Chi tiết: Môi giới hàng hải, đại lý nhập khẩu ủy thác nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, đại lý phân phối nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh

Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển

Chi tiết: Cho thuê vỏ container

Đại lý du lịch

Chi tiết: Chỉ được nhận bán chương trình du lịch của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành cho khách du lịch để hưởng hoa hồng;

Chỉ được cung cấp dịch vụ đưa khách quốc tế vào Việt Nam (inbound) và lữ hành nội địa đối với khách vào du lịch Việt Nam như là một phần của du lịch đưa khách vào du lịch Việt Nam; không được kinh doanh dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài (outbound);

Sản xuất giày dép

Chi tiết: Sản xuất, gia công giày dép (không sản xuất gia công tại trụ sở)

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng

Các ngành nghề kinh doanh khác phù hợp với quy định pháp luật

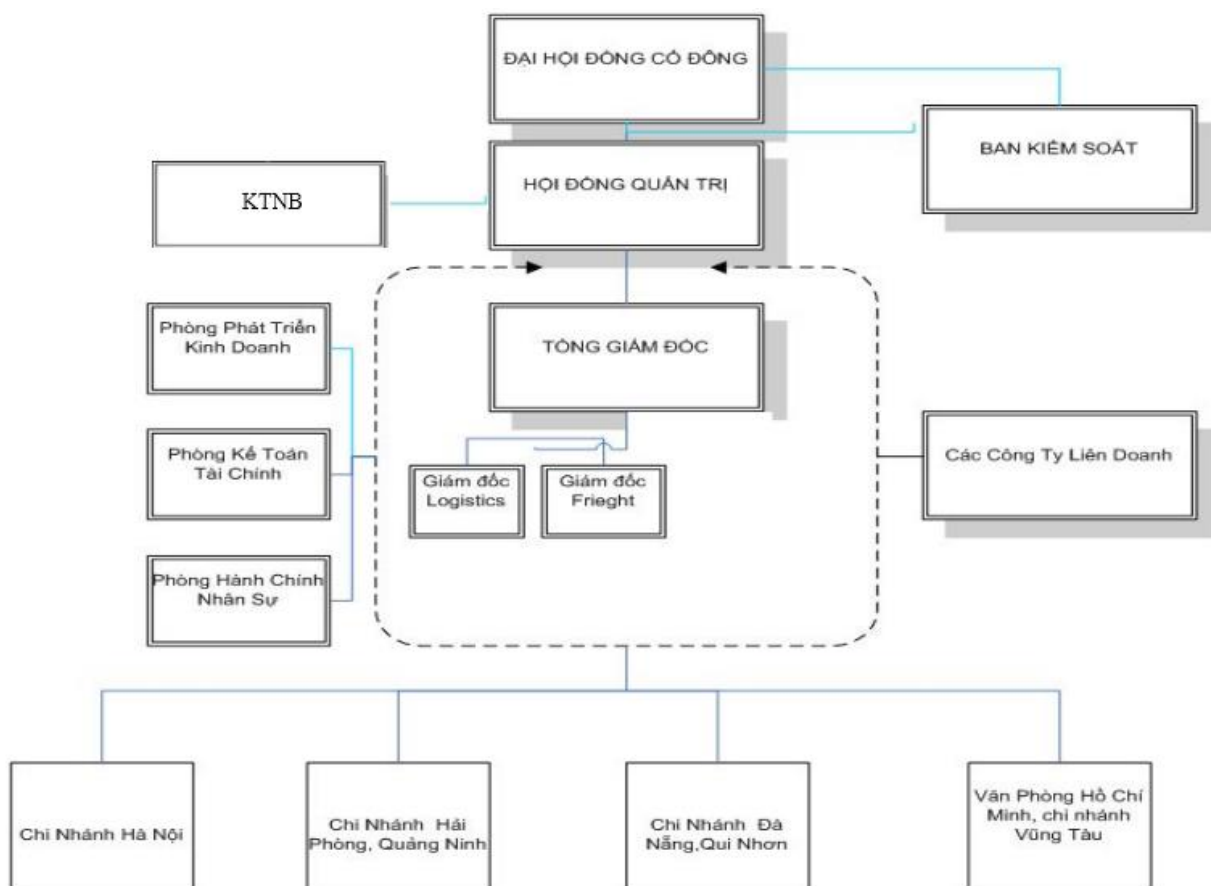
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Cơ cấu bộ máy quản lý

Mô hình quản trị SAFI bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc Công ty quản lý theo hàng dọc, cao nhất là TGD điều hành, quản lý chung hoạt động Công ty xuống đến các Giám đốc Khối và các trưởng bộ phận chức năng.

Công ty hiện có 06 Chi Nhánh, đơn vị trực thuộc; 02 Công ty con và 04 Công ty liên doanh liên kết hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các dịch vụ vận tải và đại lý vận tải. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA SAFI



b. Các đơn vị/ chi nhánh trực thuộc

- + Chi nhánh Hà Nội
- + Chi nhánh Hải Phòng
- + Chi nhánh Quảng Ninh
- + Chi nhánh Đà Nẵng
- + Chi nhánh Bình Định
- + Chi nhánh Vũng Tàu

c. Các công ty con:

+ Công ty TNHH Đại lý Vận tải COSFI

- o 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
- o Vốn điều lệ: 2.270.000.000 đồng
- o Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 69%
- o Ngành nghề kinh doanh: Giao nhận và đại lý tàu biển

+ Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng SAFI

- o 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
- o Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng
- o Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 100%
- o Ngành nghề: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng

d. Các công ty liên doanh liên kết

+ Công ty TNHH SITC Việt Nam

- 419-420-421, TD Business Center, lô 20A, Lê Hồng Phong, Tp Hải Phòng
- Vốn điều lệ: 7.114.348.903 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 51%
- Ngành nghề kinh doanh: Giao nhận và đại lý tàu biển
- Công ty không còn kiểm soát hoạt động kinh doanh của SITC nên công ty ghi nhận khoản đầu tư vào SITC Việt Nam là khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết.

+ Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam)

- 2A-4A Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
- Vốn điều lệ: 9.668.400.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 45%
- Ngành nghề: Giao nhận và kinh doanh vận tải
- Công ty ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng MST

+ Công ty TNHH Đông Hồng Logistics Đà Nẵng

- Lô 39 Đường số 2, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
- Ngành nghề: Giao nhận và kinh doanh vận tải
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 49%

+ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh toàn – Safi

- 224 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
- Vốn điều lệ: 360.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 49%
- Ngành nghề: Dịch vụ lưu trú, khách sạn

4. Định hướng phát triển

4.1 Mục tiêu chủ yếu của Công ty

Phát triển bền vững ngành nghề kinh doanh cốt lõi; tìm kiếm các cơ hội hợp tác, đầu tư phát triển; mở rộng lĩnh vực hoạt động kinh doanh là nhiệm vụ hàng đầu trong chiến lược phát triển bền vững của SAFI. Khai thác hiệu quả các nguồn lực để tăng trưởng và phát triển bền vững, nâng cao giá trị doanh nghiệp.

4.2 Chiến lược tập trung

- Củng cố các thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới, tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng kho bãi, tiếp vận, Logistics;
- Phát huy tối đa nguồn nhân lực kết hợp công nghệ thông tin hiện đại làm nền tảng bền vững cho sự phát triển dịch vụ làm đại lý;
- Duy trì các thế mạnh dịch vụ vận tải sẵn có như đường hàng không, đường biển;

- Liên kết các dịch vụ khai quan, giao nhận, chủ trương mở rộng hoạt động chào bán hàng, khai thác tốt kho bãi theo hướng cung cấp dịch vụ trọn gói;
- Tiếp tục duy trì và mở rộng thị trường Đông Bắc Á, Bắc Mỹ, Châu Âu và Trung Quốc;
- Tìm kiếm các cơ hội hợp tác, đầu tư phát triển.
- Nắm bắt các chính sách của Nhà nước, Hiệp định Quốc tế để có định hướng phát triển đúng và phù hợp.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Thực hiện việc phát triển doanh nghiệp gắn với bảo vệ môi trường như giảm mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, sử dụng nước, sử dụng năng lượng, hướng đến việc tăng cường sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường.
- Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư phát triển doanh nghiệp về cơ sở vật chất kỹ thuật, đảm bảo an toàn, tuân thủ các quy định trong việc khai thác vận hành kho bãi hàng hoá, công tác phòng chống cháy nổ, xử lý chất thải...
- Việc phát triển doanh nghiệp gắn với việc bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động, bảo đảm việc làm ổn định, tăng thu nhập, góp phần vào công tác an sinh xã hội, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động từ thiện...
- Quan tâm công tác đào tạo và đào tạo lại lao động đáp ứng yêu cầu công tác mới, xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề có khả năng nắm bắt được công nghệ kỹ thuật cao, có tinh thần trách nhiệm cộng đồng.

5. Các rủi ro

a. Rủi ro kinh tế

Ít hay nhiều, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chịu sự tác động của các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế. Để hạn chế rủi ro của các tác động này, Ban giám đốc công ty luôn thận trọng và hoạch định chiến lược phát triển phù hợp cho hoạt động của công ty.

b. Rủi ro kinh doanh

Cũng như các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành, Công ty cũng chịu sự cạnh tranh, áp lực từ nhiều yếu tố, trong đó có rủi ro từ các công cụ tài chính, rủi ro về nhân sự, rủi ro trong lưu thông với vận chuyển đường bộ, rủi ro do cạnh tranh không lành mạnh của công ty đối thủ... do đó Công ty luôn phải cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ với mức giá cạnh tranh hợp lý đối với khách hàng.

c. Rủi ro bất khả kháng

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, dịch bệnh, bão lụt, sai sót do con người, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, khó lường trước, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty luôn duy trì việc mua bảo hiểm trách nhiệm người Đại lý giao nhận vận tải và vật chất của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	933.648.493.033	996.424.236.673	107%
2	Doanh thu thuần	1.851.648.593.740	1.724.364.161.804	93%
3	Lợi nhuận gộp	233.519.892.990	241.235.622.048	103%
4	Lợi nhuận trước thuế	216.082.897.255	267.319.485.869	124%
5	Lợi nhuận sau thuế	175.037.638.716	214.418.568.182	122%
6	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	139%	113%	81%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.347	10.081	121%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 của Công ty

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện so với kế hoạch 2022			So với năm 2021		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ Hoàn thành	Năm 2021	Năm 2022	Tăng trưởng
1	Tổng doanh thu	1.800	1.724	96%	1.851	1.724	93%
2	LNST của công ty mẹ	150	212	141%	173	212	123%

- Tổng doanh thu đạt 1.724 tỷ đồng, đạt 96% kế hoạch năm và thấp hơn 7% so với cùng kỳ 2021
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 212 tỷ đồng, vượt 141% kế hoạch năm, tăng trưởng 123% so với cùng kỳ 2021
- Kết quả kinh doanh trong năm của Công ty tăng trưởng mạnh mẽ dù tình hình kinh doanh 6 tháng cuối năm 2022 gặp rất nhiều khó khăn, thị trường hoàng hóa sụt giảm. Tuy nhiên Công ty đã hoàn thành tốt và vượt kế hoạch lợi nhuận.

Nguyên nhân vượt chỉ tiêu:

- Doanh thu tài chính trong năm Công ty tăng mạnh do thoái vốn đầu tư VSC
- Lợi nhuận tăng chủ yếu do dịch vụ vận chuyển quốc tế bằng đường hàng không và dịch vụ vận chuyển đường bộ tăng.

1.2 Cơ cấu hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hoạt động Logistic	Hoạt động Forwarding	Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
- Doanh thu thuần từ hàng bán	862.54	852.91	8.91	1,724.36
- Lợi nhuận từ hđ kinh doanh	126.00	112.89	2.35	241.23
- Tổng tài sản	380.24	376.00	3.92	996.42
- Tổng nợ phải trả	106.06	106.56	0.94	220.50

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 của Công ty

Tổng doanh thu các mảng dịch vụ của công ty trong năm tăng trưởng tốt so với các năm trước, tổng doanh thu đạt hơn 1.724 tỷ đồng, lợi nhuận đạt hơn 241 tỷ đồng. Chi tiết cơ cấu hoạt động các mảng dịch vụ như sau:

- Doanh thu Logistic đạt 862.54 tỷ đồng, dịch vụ Logistic luôn đem lại lợi nhuận ổn định hằng năm của công ty. Tỷ trọng doanh thu Logistic chiếm 50% tổng doanh thu và tỷ suất lợi nhuận chiếm tới 52% trong cơ cấu tổng lợi nhuận.
- Doanh thu Forwarding đạt 852.91 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 49.46% trên tổng doanh thu, Lợi nhuận gộp đạt hơn 112 tỷ đồng, chiếm 46.80% tổng lợi nhuận.
- Doanh thu Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác là 8.91 tỷ đồng, tuy tỷ trọng trên tổng doanh thu chỉ chiếm 0,52% nhưng tỷ suất lợi nhuận đạt ~ 26%, đạt 2.35 tỷ đồng.

1.3 Một số chỉ tiêu tài chính của công ty con

- Công ty TNHH Đầu Tư Hạ Tầng Safi

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
1	Doanh thu thuần	4,517,414,448	9,352,086,530	207%
2	Lợi nhuận gộp	450,407,948	4,387,979,659	974%
3	Lợi nhuận sau thuế	2,202,127,799	1,764,312,976	80%

- Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Cosfi

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
1	Doanh thu thuần	54,558,323,762	284,843,133,238	522%
2	Lợi nhuận gộp	9,595,921,776	13,324,092,167	139%
3	Lợi nhuận sau thuế	6,356,878,310	7,617,334,999	120%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP sở hữu
-	Ban Tổng Giám đốc:	01 người	
1	Nguyễn Hoàng Anh	Tổng Giám đốc - Người quản trị Công ty	8,64%
-	Cán bộ quản lý khác:	01 người	
1	Nguyễn Hoàng Dũng	Giám đốc Logistic	5,34%
-	Kế toán trưởng		
1	Nguyễn Thanh Tuyền	Kế toán trưởng Thư ký công ty – Người CBTT	1,39%

1. Ông: NGUYỄN HOÀNG ANH

Năm sinh: 1969

Trình độ chuyên môn: Hàng hải

Quá trình công tác:

Thời gian	Công ty/Tổ chức công tác	Chức vụ nắm giữ
Từ năm 1994 đến năm 1998	tại Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	Nhân viên
Từ năm 1998 đến năm 2016	tại Công ty Cosco Shipping Lines Việt Nam	Phó Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty Safi
Từ năm 2016 đến năm 2000	tại Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 04/09/2020 đến nay	tại Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	PCT HĐQT - Tổng Giám đốc – Người phụ trách Quản trị Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc - Người phụ trách Quản trị Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

2. Ông: NGUYỄN HOÀNG DŨNG

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Kinh tế Hàng hải

Quá trình công tác:

Thời gian	Công ty/Tổ chức công tác	Chức vụ nắm giữ
Từ năm 2001 đến năm 2013	tại Công ty APLL Việt Nam	Trưởng phòng khách hàng
Từ năm 2013 đến nay	tại Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	Giám đốc Logistics
Từ 04/09/2020 đến nay	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	Chủ tịch HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

3. Ông NGUYỄN THANH TUYỀN

Sinh năm: 1976

Trình độ chuyên môn: Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Công ty/Tổ chức công tác	Chức vụ nắm giữ
Từ năm 1998 đến năm 2003	Công ty tư vấn thiết kế xây dựng CDC	Kế toán trưởng
Từ 2003 đến nay	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: Không thay đổi so với năm trước

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2022 là 387 người.

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
A. Phân theo đối tượng lao động	387	100%
- Lao động trực tiếp	361	93%
- Lao động gián tiếp	26	7%
B. Phân theo trình độ lao động	387	100%
- Trình độ đại học và trên đại học	201	52%
- Trình độ trung cấp và cao đẳng	162	42%
- Lao động phổ thông	24	6%

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Tình hình dự án, đầu tư lớn trong năm: Không có

3.2 Tình hình đầu tư các công ty con, công ty liên kết:

- Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	Tại ngày 31/12/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn CSH	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn CSH
Công ty TNHH SITC Việt Nam	51%	50%	6.164	51%	50%	6.136
Công ty Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam)	45%	45%	3.375	45%	45%	3.375
Công ty TNHH Dong Hong Logistic Đà Nẵng	49%	49%	913	-	-	-
Công ty TNHH Minh Toàn Safi	49%	49%	713	-	-	-
Tổng cộng			183.640			9.511

- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Tại ngày 31/12/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam (Mã CK: VLG)	1.500	570	(930)	1.500	1.545	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam (Mã CK: VSC)	51.460	75.571	-	83.216	121.800	-
Công ty TNHH New SITC Containers Việt Nam	467	-	-	467	-	-
Công ty TNHH SITC Bondex Việt Nam Logistics	120	-	-	120	-	-
Cộng	53.547	76.141	(930)	85.213	123.345	-

– Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Cổ phần nắm giữ hoặc tỷ lệ lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam (VLG)	Hà Nội	150.000 Cổ phần	Dịch vụ vận tải
Công ty Cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam (VSC)	Hải Phòng	2.800.000 Cổ phần	Dịch vụ hàng hải
Công ty TNHH New SITC Containers Việt Nam	Hải Phòng	20,00%	Đại lý vận tải hàng hóa
Công ty TNHH SITC Bondex Việt Nam Logistics	Hải Phòng	1,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 của Công ty

- Theo hợp đồng liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI, Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ, Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service, thì vốn điều lệ của Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) (tên cũ là Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen Quốc tế (Việt Nam) là 600.000 USD, trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI góp 270.000 USD chiếm 45% vốn điều lệ; Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ góp 36.000 USD chiếm 6% vốn điều lệ và Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.
- Cũng theo hợp đồng liên doanh thì Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) đã hết thời hạn hoạt động kinh doanh vào ngày 05/09/2014. Đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) đang thực hiện các thủ tục để giải thể. Việc thanh lý khoản đầu tư sẽ thực hiện khi hoàn tất thủ tục giải thể, do đó việc ghi giảm giá trị khoản đầu tư và các chi phí liên quan đến thanh lý cũng như tài sản được phân chia (nếu có) sẽ được ghi nhận tại thời điểm đó.
- Công ty TNHH SITC Việt Nam (SITC Việt Nam) đã hết hạn liên doanh và đã làm thủ tục gia hạn liên doanh. Tuy nhiên, sau khi gia hạn liên doanh Công ty không còn kiểm soát hoạt động kinh doanh của SITC Việt Nam nên Công ty ghi nhận khoản đầu tư vào SITC Việt Nam là khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết.
- Công ty TNHH Dong Hong Logistic Đà Nẵng: Ngày 18/02/2022 Công ty góp vốn vào Công ty Dong Hong Logistic Đà Nẵng số tiền 980.000.000 đồng, chiếm 49% VĐL theo NQ HĐQT số 04/NQ-HĐQT-2021 ngày 10/08/2021.
- Công ty TNHH Minh Toàn Safi: Ngày 06/05/2022 Công ty góp vốn vào Minh Toàn số tiền 176.400.000.000 đồng, chiếm 49% VĐL theo NQ HĐQT số 03/NQ-HĐQT-2022 ngày 18/04/2022.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	933.648.493.033	996.424.236.673	107%
2	Doanh thu thuần	1.851.648.593.740	1.724.364.161.804	93%
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD chính	213.958.042.895	267.620.030.527	125%
4	Lợi nhuận khác	2.124.854.360	-300.544.659	N/A
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	216.082.897.255	267.319.485.868	124%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	175.037.638.716	214.418.568.181	122%
7	LNST của cổ đông công ty mẹ	173.067.714.721	212.057.194.331	123%
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	139%	113%	81%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Khoản mục	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	2.20	2.77
- Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	2.20	2.55
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.34	0.22
- Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	1.99	0.93
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	-	-	-
- Doanh thu thuần/tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1.98	1.73
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			

Khoản mục	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
- Hệ số LNST/doanh thu thuần (ROS)	%	9.45%	12.43%
- Hệ số LNST/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	111.11%	90.03%
- Hệ số LNST/tổng tài sản (ROA)	%	18.75%	21.52%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	11.56%	12.41%

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán ngắn hạn luôn ở mức cao, đạt 2.77 trong năm 2022, phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn như tiền mặt, hàng tồn kho hay các khoản phải thu để chi trả cho các khoản nợ ngắn hạn.
- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Hệ số nợ/tổng tài sản trong năm công ty đạt 0.22 và hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu đạt 0.93. Tỷ số nợ của công ty là rất thấp so với công ty cùng ngành và cùng quy mô hoạt động phản ánh việc sử dụng vốn vay rất hiệu quả. Tỷ số nợ càng thấp thì mức độ bảo vệ dành cho các chủ nợ càng cao.
- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Hệ số doanh thu /Tổng tài sản bình quân đạt 1.73, tuy thấp hơn so với cùng kỳ & cao hơn các công ty cùng ngành, phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản của công ty, chỉ số này càng cao cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp càng cao và ngược lại.
- Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi: ROS, ROE, ROA luôn đạt ở mức cao so với công ty cùng ngành, cùng quy mô.

5. Cơ cấu cổ đông/ thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- + Số lượng cổ phiếu phát hành: 23.816.046 cổ phiếu

Các đợt phát hành cổ phiếu trong năm:

- Tháng 8/2022 phát hành 7.011.262 cổ phiếu (cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 2:1)
- Tháng 12/2022 phát hành 1.051.715 cổ phiếu ESOP
- + Cổ phiếu quỹ: 1.730.012 cổ phiếu
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết: 22.086.034 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông: Danh sách chốt cổ đông ngày 08/02/2023 do VSD cấp

Stt	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	0,00%	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	-	0,00%	-	-	-
	- Trong nước	-	0,00%	-	-	-
	- Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
3	Cổ đông lớn (sở hữu 5% vốn CP trở lên)	16.252.255	68,24%	5	2	3
	- Trong nước	14.889.240	62,52%	4	1	3
	- Nước ngoài	1.363.015	5,72%	1	1	-

4	Công đoàn Công ty	-	0,00%	-	-	-
	- Trong nước	-	0,00%	-	-	-
	- Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	1.730.012	7,26%	1	1	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	0,00%	-	-	-
7	Cổ đông khác	5.833.779	24,50%	1,287	36	1.251
	- Trong nước	5.092.959	21,38%	1,214	22	1.192
	- Nước ngoài	740.820	3,11%	73	14	59
	TỔNG CỘNG	23.816.046	100,00%	1,293	39	1.254
	Trong đó : - Trong nước	21.712.211	91,17%	1,219	24	1.195
	- Nước ngoài	2.103.835	8,83%	74	15	59

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Các đợt phát hành cổ phiếu trong năm:

- Tháng 8/2022 phát hành 7.011.262 cổ phiếu (cổ tức 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 2:1)
- Tháng 12/2022 phát hành 1.051.715 cổ phiếu ESOP cho người lao động trong công ty.

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành đã được lưu ký và niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam theo quy định.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

- e. Các chứng khoán khác:** nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: Không có.

6. Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp. Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường và bảo vệ môi trường. Công ty luôn thực hiện quản lý rủi ro trực tiếp/ gián tiếp liên quan đến hoạt động phát thải nhà kính của mình để đảm bảo thành công lâu dài trong môi trường kinh doanh cạnh tranh, đồng thời để chuẩn bị tốt cho việc đáp ứng các chính sách về khí hậu của quốc tế, quốc gia hoặc khu vực. Với mục đích như quản lý rủi ro, giảm chi phí, bảo vệ thương hiệu và thu hút nguồn vốn đầu tư có trách nhiệm với xã hội.

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Với quy trình khai thác kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải và hoạt động cung ứng logistic, công ty không sử dụng bất cứ nguyên vật liệu sản xuất nào khác ngoài yếu tố con người trong khâu quản lý, vận hành các máy móc thiết bị chuyên dùng trong ngành cho khâu xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa. Tuy nhiên, trong quá trình lưu trữ hàng hóa tại cảng nếu có phát sinh hàng hóa không rõ nguồn gốc có chứa chất độc, gây hại đến thiên nhiên hay con người

cũng sẽ phần nào tác động đến môi trường sống xung quanh và gây ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động trong công ty.

6.3 Tiêu thụ năng lượng

Công ty đã sử dụng các loại năng lượng như điện, xăng dầu với định mức và chi phí sử dụng hợp lý, phù hợp với giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty. Việc sử dụng các loại nguyên liệu trên về lâu dài sẽ góp phần tạo ra khí độc hại cho môi trường. Ý thức được điều đó, toàn thể Công ty cũng như các đơn vị trực thuộc luôn đảm bảo việc sử dụng hợp lý, hạn chế lãng phí nguyên liệu và trong tương lai, Ban lãnh đạo Công ty sẽ tính toán và đề xuất chuyển sang sử dụng các nguồn năng lượng thân thiện với môi trường, bảo đảm việc khai thác hiệu quả và mở rộng thị trường kinh doanh.

6.4 Tiêu thụ nước

Việc tiêu thụ nước chỉ để phục vụ công tác quản lý, sinh hoạt tại văn phòng công ty và cung ứng lại cho các nhà thầu hoạt động tại địa bàn hoạt động của công ty, do đó chi phí phát sinh từ việc sử dụng tài nguyên này là không đáng kể.

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các qui định của Nhà nước về môi trường
- Xử phạt vi phạm hành chính về môi trường: Không

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động năm 2022 là 387 người
- Mức thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty là 15.000.000 đồng/1 tháng. Đây là thu nhập tương đối cao so với các Công ty cùng ngành trong khu vực.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: SAFI luôn đề cao lợi ích của người lao động và bảo vệ tối đa lợi ích của người lao động như tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, có chế độ đãi ngộ tốt với những nhân viên lâu năm, tổ chức những buổi giao lưu gặp gỡ nhân viên trong công ty qua các sự kiện của năm như 8/3, trung thu, Giáng sinh, Tết niên...
- Hoạt động đào tạo người lao động: trong năm công ty cũng đã tổ chức một số buổi đào tạo nhằm phát triển kỹ năng và nghiệp vụ cho người lao động. Đồng thời luôn tạo điều kiện để người lao động có thể học chuyên sâu và nâng cao.

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty xác định xây dựng văn hóa đề cao tính trách nhiệm với môi trường và cộng đồng. Trợ giúp các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội, thực hiện các chương trình từ thiện là một trong những chương trình hành động vì sự phát triển bền vững của SAFI.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đánh giá kết quả hoạt động của công ty trong năm 2022.

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện so với kế hoạch 2022			So với năm 2021		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ Hoàn thành	Năm 2021	Năm 2022	Tăng trưởng
1	Tổng doanh thu	1.800	1.724	96%	1.851	1.724	93%
2	LNST của công ty mẹ	150	212	141%	173	212	123%

- Tổng doanh thu đạt 1.724 tỷ đồng, đạt 96% kế hoạch năm và thấp hơn 7% so với cùng kỳ 2021
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 212 tỷ đồng, vượt 141% kế hoạch năm, tăng trưởng 123% so với cùng kỳ 2021
- Kết quả kinh doanh trong năm của Công ty tăng trưởng mạnh mẽ dù tình hình kinh doanh 6 tháng cuối năm 2022 gặp rất nhiều khó khăn, thị trường hoàng hóa sụt giảm. Tuy nhiên Công ty đã hoàn thành tốt và vượt kế hoạch lợi nhuận.

Nguyên nhân vượt chỉ tiêu:

- Doanh thu tài chính trong năm Công ty tăng mạnh do thoái vốn đầu tư VSC
- Lợi nhuận tăng chủ yếu do dịch vụ vận chuyển quốc tế bằng đường hàng không và dịch vụ vận chuyển đường bộ tăng.

Cơ cấu hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hoạt động Logistic	Hoạt động Forwarding	Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
- Doanh thu thuần từ hàng bán	862.54	852.91	8.91	1,724.36
- Lợi nhuận từ hđ kinh doanh	126.00	112.89	2.35	241.23
- Tổng tài sản	380.24	376.00	3.92	996.42
- Tổng nợ phải trả	106.06	106.56	0.94	220.50

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 của Công ty

Tổng doanh thu các mảng dịch vụ của công ty trong năm tăng trưởng tốt so với các năm trước, tổng doanh thu đạt hơn 1.724 tỷ đồng, lợi nhuận đạt hơn 241 tỷ đồng. Chi tiết cơ cấu hoạt động các mảng dịch vụ như sau:

- Doanh thu Logistic đạt 862.54 tỷ đồng, dịch vụ Logistic luôn đem lại lợi nhuận ổn định hằng năm của công ty. Tỷ trọng doanh thu Logistic chiếm 50% tổng doanh thu và tỷ suất lợi nhuận chiếm tới 52% trong cơ cấu tổng lợi nhuận.
- Doanh thu Forwarding đạt 852.91 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 49.46% trên tổng doanh thu, Lợi nhuận gộp đạt hơn 112 tỷ đồng, chiếm 46.80% tổng lợi nhuận.

- Doanh thu Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác là 8.91 tỷ đồng, tuy tỷ trọng trên tổng doanh thu chỉ chiếm 0,52% nhưng tỷ suất lợi nhuận đạt ~ 26%, đạt 2.35 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính Công ty đến thời điểm 31/12/2022

a. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Tỷ lệ tăng (giảm)
1	Tài sản ngắn hạn	689.908.573.929	611.195.454.908	89%
2	Tài sản dài hạn	243.739.919.104	385.228.781.765	158%
	Tổng cộng	933.648.493.033	996.424.236.673	

- Tài sản ngắn hạn đạt 611 tỷ đồng, giảm 89% so với năm trước, TS ngắn hạn giảm chủ yếu từ tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu giảm so với năm trước.
- Tài sản dài hạn là 385 tỷ đồng, tăng 58% so với năm trước. TS dài hạn tăng chủ yếu đầu tư tài chính dài hạn.

b. Tình hình công nợ

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Tỷ lệ tăng (giảm)
1	Nợ ngắn hạn	313.536.769.338	220.502.766.046	70%
2	Nợ dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	313.536.769.338	220.502.766.046	

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Nợ ngắn hạn chủ yếu là các khoản phải trả người bán ngắn hạn, thuế và các khoản phải trả ngắn hạn khác. Công ty không phát sinh nợ dài hạn.
- Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ vận tải, logistic... nên bị ảnh hưởng bởi chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái, chênh lệch lãi vay, tuy nhiên Ban điều hành Công ty luôn xây dựng các chính sách, chiến lược kinh doanh và luôn bám sát tình hình thị trường để có những quyết sách phù hợp để hoạt động kinh doanh luôn đạt hiệu quả cao. Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị...

Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	Năm 2022	Năm 2021
do đánh giá lại các khoản mục	(745.673.719)	(157.856.349)
tiền tệ có gốc ngoại tệ (VND)		

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

SAFI luôn xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển và thành công, do đó trong năm Công ty đã tái cơ cấu bộ máy quản lý, xây dựng các kế hoạch tài chính, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, triển khai các định hướng quản trị tập trung các hoạt động chức năng hỗ trợ sản xuất kinh doanh như tài chính, nhân sự, tiền lương, quản lý rủi ro, pháp chế... để tích hợp, phát huy sức mạnh chung mang lại hiệu quả tối ưu và đúng định hướng chiến lược phát triển chung của Công ty.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Với mục tiêu trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam về phát triển hạ tầng kho bãi, tiếp vận và logistics, Công ty đã và đang xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên một cách chuyên nghiệp. Xác định đội ngũ nhân lực là sức mạnh cốt lõi, đặc biệt chú trọng đến nguồn nhân lực ngay từ những bước tuyển chọn đầu tiên, Công ty đã tập hợp được 1 đội ngũ nhân viên năng động, bản lĩnh, được đào tạo tại các trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước, dày dặn kinh nghiệm. Ngoài ra, Công ty còn luôn chú trọng đầu tư nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đề cao đạo đức nghề nghiệp, nhằm đạt được tối đa sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.

4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- Kiểm soát chặt chẽ đầu vào lẫn đầu ra của các sản phẩm lưu thông qua kênh của công ty, tránh xảy ra các trường hợp lưu giữ hàng hoá không rõ nguồn gốc, có tồn tại những yếu tố có thể gây hại đến môi trường.
- Công tác phòng cháy chữa cháy được đảm bảo, nhằm bảo vệ an toàn cho hàng hoá và con người.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- SAFI luôn thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tuỳ theo từng vị trí cụ thể mà công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song với đó cần phải đáp ứng được những yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí điều hành quan trọng, công ty đưa ra các yêu cầu tuyển dụng khá gắt gao, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.
- Công ty luôn xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng của từng ngành nghề hoạt động, trình độ, năng lực công việc của từng người và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh việc tập trung phát triển sản xuất kinh doanh, chăm lo đời sống cho người lao động, công ty còn chú trọng đến các hoạt động trợ giúp cộng đồng, coi đó là nét đẹp trong văn hoá của công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Trong năm 2022, HĐQT đã đề ra phương hướng hoạt động, chính sách phát triển kinh doanh của công ty trên cơ sở Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐCĐ/SAFI-2022 ngày 08/04/2022

và Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ-BT-2022 ngày 15/09/2022. HĐQT luôn chủ động nắm bắt kịp thời các diễn biến của kinh tế trong nước và thế giới, phân tích, đánh giá những khó khăn, thuận lợi cũng như những cơ hội và thách thức để kịp thời đưa ra những quyết sách đúng đắn và hiệu quả trong hoạt động SXKD, thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt nhiệm vụ thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Về hoạt động kinh doanh của công ty, HĐQT luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường và bảo vệ môi trường cũng như tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường, hoạt động xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, xoá đói giảm nghèo,... đã được công ty triển khai trong năm như: ủng hộ đồng bào miền Trung bị thiên tai, lũ lụt, hỗ trợ cho các hộ gia đình gặp khó khăn, chia sẻ trách nhiệm cộng đồng, xã hội.
- Các Nghị quyết/ quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành trong năm 2022:

Stt	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/ NQ- HĐQT-2022	07/02/2022	Chốt danh sách tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2022	5/5
2	02/ NQ- HĐQT-2022	13/04/2022	Triển khai thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 theo NQ ĐHĐCĐ ngày 8/4/2022	5/5
3	03/ NQ- HĐQT-2022	18/04/2022	Nhận chuyển nhượng góp vốn tại CTy TNHH Minh Toàn - SAFI	5/5
4	01/2022/QĐN S-HĐQT	26/04/2022	Bổ nhiệm nhân sự KTNB	5/5
5	05/NQ- HĐQT-2022	31/05/2022	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu ESOP 2021	5/5
6	06/ NQ- HĐQT-2022	08/06/2022	Phê duyệt thông qua chủ trương thực hiện các HĐ/GD giữa SAFI với các bên liên quan trong năm 2022	5/5
7	07/ NQ- HĐQT-2022	27/06/2022	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021	5/5
8	08/NQ- HĐQT-2022	21/07/2022	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để nhận cổ tức 2021 bằng cổ phiếu và tham dự ĐHĐCĐ BT 2022	5/5
9	09/NQ- HĐQT-2022	19/09/2022	Tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 1 năm 2022	5/5

Stt	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
10	10/NQ-HĐQT-2022	19/09/2022	Triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu esop 2022 của Công ty	5/5
11	11/NQ-HĐQT-2022	18/10/2022	Bổ sung, điều chỉnh phương án phát hành cổ phiếu esop 2022 của Công ty và thông qua việc dừng thực hiện giao dịch 1.730.012 cổ phiếu quỹ	5/5
12	12/QĐ-HĐQT-2022	07/11/2022	Ban hành Quy chế phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty	5/5

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty
- HĐQT luôn chủ động nắm bắt kịp thời các diễn biến của kinh tế trong nước và thế giới, phân tích, đánh giá những khó khăn, thuận lợi cũng như những cơ hội và thách thức để kịp thời đưa ra những quyết sách đúng đắn và hiệu quả trong hoạt động SXKD, thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt nhiệm vụ thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
 - Từng thành viên HĐQT đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được phân công. Thường xuyên giám sát công việc điều hành của Tổng Giám đốc, trao đổi nắm bắt thông tin, thực hiện tốt vai trò quản trị, phát triển mở rộng thị trường, đầu tư cơ sở vật chất, hợp tác quốc tế, phát triển nguồn nhân lực.
3. Các kế hoạch định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023:

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023
1	Doanh thu	1.724 tỷ đồng	1.500 tỷ đồng
2	LNST công ty mẹ	212 tỷ đồng	150 tỷ đồng
3	Tỷ lệ chi trả cổ tức	80%	20%

Vấn đề khác:

- HĐQT quyết định việc đầu tư, thoái vốn tại các công ty khi có nhu cầu về vốn cho đầu tư và trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn.
- Hợp tác chặt chẽ cùng các đối tác củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty liên doanh.
- Đầu tư mua sắm thêm xe vận tải, romooc, xe cont bổ sung phương tiện vận tải.
- Phát triển mạng lưới thông qua việc đầu tư mở rộng thêm chi nhánh, văn phòng tại các tỉnh miền Trung.

- Tìm kiếm, hợp tác khai thác các cơ hội kinh doanh khác khi có điều kiện phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Khai thác nguồn lực từ các cổ đông trong hợp tác dịch vụ, phát triển khách hàng, tăng cường nhân sự có kinh nghiệm, tạo ra nguồn phát triển dịch vụ mới.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cp sở hữu
1	Nguyễn Hoàng Dũng	Chủ tịch HĐQT	5,34%
2	Nguyễn Hoàng Anh	Phó Chủ tịch HĐQT (kiêm TGD/Người QTCT)	8,64%
3	Đặng Trần Phúc	Ủy viên HĐQT (không điều hành)	0,95%
4	Nguyễn Hải Nguyên	Ủy viên HĐQT (độc lập)	1,49%
5	Nguyễn Trường Nam	Ủy viên HĐQT (độc lập)	0,00%

b. **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Công ty không thành lập tiểu ban.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp HĐQT định kỳ và HĐQT mở rộng bằng nhiều hình thức để thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ. Các cuộc họp của HĐQT đều có sự thống nhất của các thành viên, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý, 6 tháng và cả năm, giải quyết các vấn đề về hoạt động kinh doanh, phát triển thị trường, triển khai công tác đánh giá từng bước các kết quả đạt được theo định hướng chiến lược về phát triển kinh doanh trong năm.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Công ty có một thành viên HĐQT độc lập không điều hành, giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của HĐQT, nhằm đảm bảo HĐQT hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, phù hợp các chủ trương, định hướng đã đề ra của ĐHCĐ, HĐQT và các thông lệ quản lý hiện đại.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ
1	Nhữ Đình Thiện	Trưởng ban	1,30%

2	Dương Quang Thoại	TV BKS	0,00%
3	Trần Thị Ngọc Đào	TV BKS	0,00%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của Công ty; đồng thời đánh giá toàn diện công tác quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào gây hại cho công ty trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty.
- Các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, đúng định hướng phát triển và đổi mới của Công ty. Các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên HĐQT và BKS tham dự, những cuộc họp lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện đúng trình tự, đúng quy chế, phù hợp với Điều lệ Công ty;
- Nội dung các cuộc họp chủ yếu tập trung bàn về thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ, thực hiện các chiến lược phát triển Công ty. Tài liệu họp được chuẩn bị chu đáo, thời gian, địa điểm đúng theo giấy mời họp;
- HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty;
- Hội đồng quản trị công ty đã có những định hướng mang tính đột phá, năng động, dự báo thị trường và đề ra những chính sách hoạt động Công ty đạt hiệu quả cao, tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động kinh doanh, đầu tư luôn ổn định bền vững.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT - Ban TGD - BKS

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:

		<i>Đơn vị tính: đồng</i>	
		Năm 2022	Năm 2021
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Logistic	1.086.254.000	8.48.800.000
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Phó chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	1.142.500.000	1.011.500.000
Ông Đặng Trần Phúc	Thành viên HĐQT	793.000.000	773.800.000
Ông Nguyễn Hải Nguyên	Thành viên HĐQT	450.000.000	-
Ông Nguyễn Trường Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Nhữ Đình Thiện	Trưởng BKS	-	-
Ông Dương Quang Thoại	TV BKS	-	-
Bà Trần Thị Ngọc Đào	TV BKS	-	-

- Số lượng cổ phiếu nhận được trong năm của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

	Năm 2022	Năm 2021	Ghi chú
Ông Nguyễn Hoàng Dũng Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Logistic	449.000	200.050	Cổ tức bằng cổ phiếu/ ESOP
Ông Nguyễn Hoàng Anh Phó chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	1.086.708	270.000	Cổ tức bằng cổ phiếu/ ESOP
Ông Đặng Trần Phúc Thành viên HĐQT	85.200	154.000	Cổ tức bằng cổ phiếu/ ESOP
Ông Nguyễn Hải Nguyên Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 8/4/2022)	154.500	-	Cổ tức bằng cổ phiếu/ ESOP
Ông Nhữ Đình Thiện	103.500	-	Cổ tức bằng cổ phiếu
Ông Dương Quang Thoại	-	-	
Bà Trần Thị Ngọc Đào	-	-	

- Các khoản lợi ích khác: Không có

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (VĐL 157 tỷ)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (VĐL 238 tỷ)		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Hoàng Dũng	HĐQT	823,000	5.22%	1,272,000	5.34%	Nhận cổ tức bằng CP & mua CP ESOP
2	Nguyễn Hoàng Anh	HĐQT	970,000	6.16%	2,056,708	8.64%	Nhận cổ tức bằng CP & mua CP ESOP
3	Đặng Trần Phúc	HĐQT	140,400	0.89%	225,600	0.95%	Nhận cổ tức bằng CP & mua CP ESOP
4	Nguyễn Hải Nguyên	HĐQT	200,000	1.27%	354,500	1.49%	Nhận cổ tức bằng CP & mua CP ESOP
5	Nguyễn Thanh Tuyền	KTT	265,000	1.68%	330,000	1.39%	Nhận cổ tức bằng CP & mua CP ESOP

- c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không
d. Các giao dịch các bên liên quan phát sinh trong năm:

	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu cung cấp dịch vụ	961.500.000	978.700.000
Công ty TNHH SITC Việt Nam	961.500.000	978.700.000
Mua hàng hóa, dv	12.103.643.758	10.706.175.885
Công ty TNHH SITC Việt Nam	11.693.719.566	10.706.175.885
Công ty TNHH Minh Toàn Safi	409.924.192	
Doanh thu tài chính (Cổ tức được chia)	2.255.171.868	2.98.934.944
Công ty TNHH SITC Việt Nam	2.255.171.868	

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2022 của Công ty.

2. Ý kiến kiểm toán:

- a. Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- b. Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Xem phụ lục: Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Hoặc website : www.safi.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI



NGUYỄN HOÀNG ANH